

Số: 53 /BC-SNN

Quảng Trị, ngày 09 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết đánh giá, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHI CỤC PTNT QUẢNG TRỊ

Số: 307

ĐẾN Ngày: 10/3/2020

Chuyển: L.Đ.

Lưu hồ sơ số: QĐ. Ph.

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương.

Thực hiện Công văn số 1496/BNN-VPĐP ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng kết đánh giá thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025 và Văn bản số 807/UBND-NN ngày 04/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc tổng kết đánh giá thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Trị đã chủ động ban hành đồng bộ các chủ trương, cơ chế, chính sách và kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế giúp cho công tác triển khai thực hiện Chương trình được thuận lợi, đạt hiệu quả và thống nhất trong toàn tỉnh.

- Tỉnh ủy: Đã ban hành 01 Nghị quyết, 01 thông báo),¹
- Hội đồng nhân dân tỉnh: (ban hành 02 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới và nhiều Nghị quyết liên quan khác)²
- UBND, BCĐ nông thôn mới tỉnh: Đã ban hành 06 quyết định quy phạm

¹ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020. Thông báo 605-TB/TU ngày 22/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập các Tổ công tác thực hiện “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới”),

²(Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 Về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020. Nghị quyết số 02/2019/ NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030,

pháp luật, 01 Chỉ thị và hơn 200 các loại văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn 2010-2020 như: Kế hoạch triển khai chương trình giai đoạn, hàng năm; chương trình công tác trọng tâm, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm, kế hoạch xã đạt chuẩn, huyện đạt chuẩn...; ban hành và hướng dẫn các bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn bản khó khăn xây dựng nông thôn mới, thôn bản nông thôn mới kiểu mẫu. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD, sở, ban ngành và các đơn vị liên quan.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

- Đối với các huyện, xã:

+ Huyện ủy, thị ủy và đảng ủy các xã đều có Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của địa phương, với mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

+ Các địa phương đã ban hành cơ chế riêng để đẩy nhanh tiến độ và thực hiện có hiệu quả Chương trình như: Huyện Cam Lộ ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (thường 50 triệu đồng đối với khu dân cư đạt chuẩn); huyện Hải Lăng ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực; chính sách khuyến khích hỗ trợ một số cây trồng vật nuôi chủ lực và một số mô hình phát triển sản xuất trên địa bàn huyện; huyện Triệu Phong có chính sách về hỗ trợ phát triển trang trại, gia trại trên địa bàn huyện, huyện Vĩnh Linh có chính sách hỗ trợ 02 tỷ đồng cho xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm.

2. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình: Bộ máy Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc được kịp thời thành lập và kiện toàn đồng bộ từ tỉnh, huyện đến xã, thôn.

a) Bộ máy Ban chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Đã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 (trên cơ sở gộp 2 Ban chỉ đạo về xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững)

- Cấp huyện: 8/8 huyện, thị xã đã thành lập BCD NTM huyện do đồng chí Bí thư huyện ủy/Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban³.

- Cấp xã: 100% xã đã thành lập BCD NTM xã - do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Ban Quản lý NTM xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; 01 cán bộ theo dõi nông thôn mới cấp xã và Ban phát triển các thôn.

- Cấp thôn: Thành lập Ban phát triển thôn.

b) Bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp

- Văn phòng Điều phối cấp tỉnh: Tổng cán bộ của Văn phòng điều phối là 13 người, trong đó cán bộ chuyên trách 5 người (cán bộ thuộc Chi cục Phát triển nông thôn), cán bộ kiêm nhiệm là 8 người đến từ các sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và Chi cục Phát triển nông thôn.

- Văn phòng Điều phối cấp huyện: Cấp huyện đã có 7/8 huyện thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới, riêng thị xã Quảng Trị thành lập Tổ giúp việc, các huyện đã bố trí từ 1-2 cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách về nông thôn mới.

- Công chức cấp xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới: Các xã đã bố trí 01 cán bộ (Địa chính- Xây dựng- Nông nghiệp) làm nhiệm vụ tổng hợp, theo dõi,

³ 2 huyện có Bí thư huyện ủy làm Trưởng BCD là Gio Linh và Hải Lăng

tham mưu giúp Ban quản lý thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên hầu hết cán bộ phụ trách nông thôn mới là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp.

a) Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Công tác tuyên truyền, vận động được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, luôn được các cấp uỷ đảng, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội các cấp coi trọng thực hiện. Nhiều hình thức tuyên truyền được thực hiện sinh động, phong phú với nội dung thiết thực như tổ chức hội nghị, tọa đàm, hội thi, lắp đặt pano, băng rôn, lễ phát động,...

Các cơ quan truyền thông báo chí trung ương và địa phương đã tích cực thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; các mô hình hay, cách làm tốt, gương điển hình trong xây dựng nông thôn mới, với nhiều hình thức như tin, bài, chuyên mục, phóng sự,... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở cũng đã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên và người dân tham gia các phong trào thi đua với các hoạt động thiết thực. Trong 5 năm, đã có hàng ngàn tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng, trên 6.000 cuốn sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, 2.000 cuốn sách kỹ yếu được phát cho các địa phương để tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Trang thông tin điện tử nông thôn mới của tỉnh với hàng trăm lượt người truy cập hằng ngày. Đã tổ chức các cuộc thi, sân chơi như Cuộc thi vui cùng nhà nông, Hội thi Báo chí viết về nông thôn mới nhằm cổ vũ, động viên tinh thần tham gia xây dựng nông thôn mới của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác tuyên truyền trong thời gian qua đã góp phần tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ và nhân dân về xây dựng NTM; thay đổi nếp nghĩ, cách làm, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ đầu tư của nhà nước, khơi dậy sự tích cực chủ động, sáng tạo của cộng đồng dân cư, tạo động lực to lớn thúc đẩy phong trào ngày càng lan tỏa. Sự đồng lòng, chung sức của quần chúng nhân dân trong thời gian qua thể hiện thông qua việc tình nguyện đóng góp công sức, tiền của, trí tuệ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; chủ động thực hiện các phần việc thuộc trách nhiệm của hộ gia đình như chỉnh trang nhà ở, xây dựng hố xí hợp vệ sinh, cải tạo vườn, giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia bảo hiểm y tế,...

b) Công tác nâng cao năng lực

Công tác tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp được chú trọng, nhất là cán bộ cấp xã, thôn, bản. Nội dung các chuyên đề tập huấn liên quan đến các kiến thức cơ bản về cơ chế, chính sách, các nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình. Ngoài ra, các lớp tập huấn cũng có lồng ghép các kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng, về xây dựng, lập kế hoạch, kỹ năng lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân nhằm giúp cán bộ địa phương nắm rõ và tham mưu thực hiện Chương trình có hiệu quả hơn. Đến nay, tổng cộng có 165 lớp tập huấn với trên 8.000 người tham gia. Ngoài ra, BCD nông thôn mới tỉnh, các huyện cũng đã bố trí cho đội ngũ cán bộ đi tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới trong, ngoài tỉnh và quốc tế để có thể học tập những cách làm hay sáng tạo, vận dụng phù hợp tại địa phương.

4. Theo dõi, giám sát, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Hàng năm, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát tại các địa phương; phân công các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện các tiêu chí do ngành phụ trách nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bổ sung giải pháp chỉ đạo nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Trong các năm qua, các đồng chí Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

Thực hiện chủ trương “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới” của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập 08 tổ công tác do các đồng chí là UVBTV tỉnh ủy làm Trưởng đoàn tổ chức kiểm tra, nắm tình hình thực hiện của các địa phương.

Hội đồng nhân dân, UBND và các ngành chức năng ở huyện cũng tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình tại các địa phương. Các tổ chức đoàn thể, cộng đồng nhân dân trong thực hiện chương trình cũng thực hiện chức năng giám sát thực hiện trên địa bàn.

Qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện được những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện; kịp thời có giải pháp khắc phục, điều chỉnh phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình.

5. Công tác huy động nguồn lực, quản lý và sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG

a) Về huy động nguồn lực

Tổng nguồn lực huy động giai đoạn 2016-2019 là 38.758,087 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách:
 - + Ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp là 560,380 tỷ đồng
 - + Ngân sách địa phương: là 520,993 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án là 1.446,470 tỷ đồng
- Vốn tín dụng là 2016-2019 là 35.458,279 tỷ đồng
- Vốn doanh nghiệp, HTX, các thành phần kinh tế khác là 270,890 tỷ đồng
- Đóng góp của nhân dân (bằng tiền mặt, công lao động và hiện vật quy ra tiền) là 501,075 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu 4, biểu 5.2 và biểu 5.3 kèm theo)

b) Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình

Quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011-2015, có một số địa phương do áp lực đạt chuẩn nông thôn mới nên đã phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Đến cuối năm 2015, theo thống kê của các địa phương số nợ đọng XD CB là 24.274 triệu đồng. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương nghiêm túc xử lý tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2016-2020. Các địa phương còn nợ đọng phải tập trung bố trí trả nợ không bố trí cho các công trình khởi công mới và tích cực huy động các nguồn lực khác để xử lý nợ đọng. Do vậy, tính đến thời cuối năm 2018, tổng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh là 4.164 triệu đồng. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ưu tiên bố trí vốn kế hoạch năm 2019 để thanh toán dứt điểm cho các công trình, dự án có nợ đọng. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát, cơ bản đến thời điểm này các địa phương đã xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

1.1. Về hiện trạng tiêu chí xã nông thôn mới

a) Về hiện trạng xã nông thôn mới

- Kết quả chung

+ Đến tháng 02/2020, toàn tỉnh đã có 60/117 xã (chiếm tỷ lệ 51,3%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 34 xã so với đầu năm 2016).

+ Bình quân tiêu chí/xã đạt 15,53 tiêu chí (tăng 3,83 tiêu chí so với đầu năm 2016), cụ thể số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là: 20 xã (chiếm 20,5% số xã), Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 17 xã (chiếm 14,5% số xã), Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 20 xã, đạt 20,5%.

- Hiện trạng chi tiết các nhóm tiêu chí và tiêu chí

+ Nhóm Quy hoạch: Có 117/117 xã hoàn thành tiêu chí Quy hoạch, đạt 100%

+ Nhóm Hạ tầng kinh tế-xã hội:

. Giao thông: Có 77/117 xã hoàn thành tiêu chí giao thông nông thôn, đạt 65,8% số xã.

. Thủy lợi: Có 110/117 xã hoàn thành tiêu chí Thủy lợi, đạt 94,02%

. Điện: Có 117/117 xã hoàn thành tiêu chí Điện, đạt 100%

. Trường học: Có 76/117 xã hoàn thành tiêu chí Trường học, đạt 64,9%

. Cơ sở vật chất văn hóa: Có 77/117 xã hoàn thành tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, đạt 65,8%

. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Có 100/117 xã hoàn thành tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 85,5%

. Thông tin và truyền thông: Có 92/117 xã hoàn thành tiêu chí Thông tin và Truyền thông, đạt 78,6%

. Nhà ở dân cư: Có 86/117 xã hoàn thành tiêu chí về Nhà ở dân cư, đạt 73,5%

+ Nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất:

. Thu nhập: Có 84/117 xã đạt tiêu chí Thu nhập, đạt 71,8%

. Tỷ lệ hộ nghèo: Có 81/117 xã đạt tiêu chí về Tỷ lệ hộ nghèo, đạt 69,2%

. Tỷ lệ lao động có việc làm: Có 112/117 xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm, đạt 95,73%;

. Tổ chức sản xuất: Có 80/117 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất, đạt 68,4%

+ Nhóm tiêu chí Văn hóa - Xã hội - Môi trường:

. Giáo dục có 94/117 xã đạt tiêu chí về Giáo dục, đạt 80,3%

. Y tế: Có 113/117 xã đạt tiêu chí Y tế, đạt 96,6%

. Văn hóa: Có 115/117 xã đạt tiêu chí Văn hóa, đạt 98,3% (tăng 53% so với năm 2010 và tăng 6,8% so với năm 2015);

. Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 80/117 xã đạt tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm, đạt 68,4%

+Nhóm tiêu chí về Hệ thống chính trị:

. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Có 98/117 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 83,8%

. Quốc phòng và an ninh: Có 108/117 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh, đạt 92,3%

b) Hiện trạng huyện nông thôn mới

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng huyện Cam Lộ phân đầu đạt chuẩn

trong năm 2019, đến nay hiện trạng như sau:

+ Về tiêu chí 100% xã nông thôn mới của huyện: có 8/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Về tiêu chí cấp huyện: Huyện đã hoàn thiện 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

Hiện nay, huyện Cam Lộ đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thủ tục trình Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn trong năm 2019. Dự kiến trình thẩm định trong tháng 3/2020.

c) Hiện trạng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của Trung ương, tỉnh Quảng Trị đã chọn 8 xã để chỉ đạo điểm gồm: Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim, Cam Chính, Cam Hiếu, Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Triệu Đại. Đến nay, kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của các địa phương như sau:

+ Có 03 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2019 gồm: Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim (huyện Vĩnh Linh) và xã Cam Chính (huyện Cam Lộ).

+ Các xã còn lại đạt từ 6-11 tiêu chí gồm: Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Cam Hiếu, Triệu Đại. Các địa phương đều có kế hoạch đạt chuẩn vào năm 2020

d) Hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại thôn, bản khó khăn

Thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Trị có 93 thôn, bản thuộc 10 xã biên giới của 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông được chọn để tập trung xây dựng thôn, bản nông thôn mới.

Đến nay, số tiêu chí đạt bình quân của các thôn ở 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông là 6,57 tiêu chí/thôn, bản; trong đó, bình quân ở huyện Hướng Hóa là 6,26 tiêu chí; bình quân ở huyện Đakrông là 6,9 tiêu chí/thôn, bản.

(Chi tiết tại Biểu 2 và Biểu 3 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về kết quả đạt được

Triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự vào cuộc mạnh mẽ của mặt trận, đoàn thể các cấp và sự hưởng ứng tích cực của đông đảo quần chúng nhân dân, vùng nông thôn của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Cơ sở hạ tầng nông thôn được hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Kinh tế nông thôn ngày càng phát triển, có nhiều mô hình chuyên canh, sản xuất theo hướng hàng hóa có liên kết tạo lợi nhuận càng lớn cho người nông dân; đời sống vật chất của người dân ngày càng được nâng cao; đời sống văn hóa, tinh thần ngày càng đa dạng, trong đó các giá trị văn hóa truyền thống không ngừng được giữ gìn, bảo tồn và phát huy; môi trường nông thôn được bảo vệ và cải thiện; hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh; an ninh trật tự khu vực nông thôn cơ bản được đảm bảo.

Đã bước đầu định hình được xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, từng bước hướng đến miền quê đáng sống. Tập trung xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi đặc biệt khó khăn, biên giới bãi ngang ven biển, tiến đến giảm dần khoảng cách giữa các vùng miền.

Phong trào xây dựng nông thôn mới đã thực sự trở thành một phong trào ý nghĩa, có tính nhân văn và có sức lan tỏa sâu rộng và được người dân đồng tình hưởng ứng. Nhận thức của người dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng được

nâng cao, nhất là trong phát triển sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ, trong bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn an ninh trật tự, góp phần làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Nhiều chính sách được ban hành có tác dụng tích cực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai thực hiện Chương trình một cách có hiệu quả.

Kết quả thực hiện Chương trình sau 9 năm đã đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020; đạt mục tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, góp phần quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức rõ và đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa và nội dung của Chương trình; còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước; ý thức tự giác, chủ động tham gia xây dựng NTM chưa cao. Đặc biệt là bà con đồng bào dân tộc thiểu số; ở một số địa phương các chủ trương, cơ chế, chính sách trong xây dựng NTM chưa được thông tin, cập nhật đầy đủ cho người dân.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch và đề án nông thôn mới cho phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, huyện xã chậm được chỉ đạo triển khai thực hiện, do đó còn nhiều vướng mắc trong xác định nội dung đầu tư và lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới.

- Việc xây dựng kế hoạch hàng năm và giai đoạn về xây dựng nông thôn mới của các địa phương chưa chặt chẽ, chi tiết, đặc biệt là xác định nguồn lực để thực hiện từng tiêu chí cho từng xã, vì vậy các địa phương và các ngành không có căn cứ để triển khai theo tiến độ và kế hoạch.

- Sản xuất nông nghiệp mặc dù đã chuyển biến tích cực nhưng các chuỗi giá trị sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu bền vững nên đã ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của người dân. Nhiều địa phương đã xác định được sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển nhưng thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, HTX dẫn đến khó khăn về tiêu thụ sản phẩm hoặc mất giá.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều giữa các địa phương, các xã ở khu vực miền núi có số tiêu chí đạt chuẩn còn thấp, chất lượng đạt chuẩn một số tiêu chí còn thiếu bền vững; một số tiêu chí cơ sở hạ tầng thiết yếu đạt chuẩn còn ở mức thấp như: giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa...; nhiều nơi trong xây dựng, chỉnh trang hạ tầng chưa gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, cảnh quan nông thôn. Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn văn minh chưa được triển khai mạnh mẽ.

- Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu mới chỉ tập trung ở các xã chỉ đạo điểm của tỉnh, các địa phương còn lại chưa quyết liệt để triển khai thực hiện, nguồn lực bố trí cho xây dựng kiểu mẫu còn hạn chế.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát, tuy nhiên một số địa phương tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn đang có dấu hiệu tăng; chất

lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nông sản vẫn đang là vấn đề nổi lên được xã hội quan tâm. Ở một số cụm công nghiệp trên địa bàn chưa có các báo cáo đánh giá tác động môi trường; nước thải ở một số làng nghề, cơ sở sản xuất chưa được quan tâm xử lý.

- An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, nhiều xã vẫn còn nằm trong danh mục xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.

- Ở một số địa phương còn nặng về hình thức đạt được mục tiêu, chưa quan tâm nhiều đến chất lượng của các tiêu chí đạt chuẩn; một số tiêu chí thiếu bền vững (môi trường, an ninh trật tự...), một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhưng bị rớt một số tiêu chí, tuy nhiên các địa phương chưa quyết liệt, chưa có giải pháp cụ thể để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Một số địa phương còn coi trọng đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, chưa quan tâm nhiều đến các giải pháp nâng cao đời sống của người dân, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, tình làng nghĩa xóm, nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường nông thôn.

- Công tác áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù chưa được thực hiện nghiêm túc. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc trao quyền cho người dân tham gia một số nội dung như tham gia thực hiện thi công các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn, tham gia sát sát đầu tư cộng đồng....

- Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng NTM của các địa phương. Nguồn ngân sách trực tiếp cho Chương trình chưa đạt kế hoạch đề ra. Nguồn huy động từ doanh nghiệp chưa nhiều. Công tác kêu gọi tài trợ, đỡ đầu chưa phát huy hiệu quả. Điều kiện của người dân còn nhiều khó khăn nên mức độ đóng góp còn hạn chế, công tác huy động, lồng ghép các nguồn lực chưa phát huy hiệu quả tối đa.

- Trình độ đội ngũ cán bộ ở một số địa phương, nhất là ở các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn còn hạn chế so với yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ chuyên trách nông thôn mới còn ít; ở các huyện, xã, cán bộ thường xuyên biến động đã ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Việc sát nhập đơn vị hành chính một số xã sẽ tác động đến số lượng xã đạt chuẩn của địa phương và của tỉnh, cần thiết phải rà soát và có kế hoạch chi tiết nhằm duy trì và nâng cao chất lượng nông thôn mới ở các địa phương này và đảm bảo mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Nguyên nhân của những hạn chế trên

- Về khách quan

Quảng Trị là một tỉnh còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới thấp; điều kiện tự nhiên lại không thuận lợi; thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của người dân nông thôn, làm cho việc xây dựng nông thôn mới bị ảnh hưởng, các tiêu chí đạt chuẩn thiếu bền vững

Chương trình được triển khai với nhiều nội dung và cách thức triển khai thực hiện khá mới. Trong giai đoạn 2011-2015, nhiều chương trình MTQG được triển khai trên địa bàn, các chương trình được chỉ đạo triển khai riêng lẻ, việc lồng ghép các nguồn lực chưa thực sự hiệu quả, đầu tư phân tán, thiếu đồng bộ.

- Về chủ quan

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự tập trung trong lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc chung sức xây dựng NTM; chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao, chưa mạnh dạn, chủ động có các cơ chế, chính sách riêng; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên nhất là trong bố trí nguồn lực cho chương trình.

- Bộ máy giúp việc BCD NTM các cấp hoạt động chưa hiệu quả, thiếu cán bộ chuyên trách, năng lực của cán bộ cơ sở còn hạn chế, do đó công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình hiệu quả chưa cao. Việc kiện toàn bộ máy giúp việc tiến độ còn chậm.

- Một số thành viên BCD các cấp chưa phát huy cao trách nhiệm trong việc tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí do ngành phụ trách và huy động, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Công tác chỉ đạo theo dõi địa bàn được phân công phụ trách thực hiện chưa hiệu quả, thiếu thường xuyên, sâu sát.

- Việc đánh giá thực trạng, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí ở một số xã, chưa thực chất, ảnh hưởng lớn đến việc xác định nội dung đầu tư, lộ trình thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới.

IV. Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2019, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần phải được thực hiện thường xuyên nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tham gia.

- Vai trò của cán bộ chủ chốt là hết sức quan trọng, thực tiễn ở nơi nào người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự tâm huyết, trách nhiệm, vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì nơi đó phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ. Trong công tác chỉ đạo điều hành xây dựng nông thôn mới phải phân công, phân nhiệm rõ ràng. Cần có sự vào cuộc có trách nhiệm của các ngành trong việc đưa ra các giải pháp để thực hiện từng tiêu chí.

- Việc phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới là hết sức quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với tính bền vững của kết quả xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng". Việc lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đang tạo ra hiệu ứng lan tỏa, giúp chính quyền các cấp có cơ sở quyết định việc hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới; bên cạnh đó những vấn đề người dân chưa hài lòng cũng là một kênh thông tin quan trọng để cấp ủy, chính quyền các cấp đưa ra giải pháp, tiến độ cam kết xử lý đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Phát huy tốt cách làm chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; chọn đúng nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá cho từng thời kỳ.

- Trong điều kiện nguồn ngân sách đầu tư trực tiếp cho xây dựng nông thôn mới rất hạn chế; việc huy động, lồng ghép có hiệu quả mọi nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới là thực sự cần thiết; đặc biệt là huy động đóng góp của cộng

đồng và con em quê hương làm ăn xa.... Nguồn lực đầu tư trên địa bàn cần phải được công khai minh bạch tạo niềm tin cho người tham gia đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng để kịp thời động viên đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực cho xây dựng NTM.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I.MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nhằm thay đổi bộ mặt và chất lượng cuộc sống nông thôn, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, vùng đồng bằng và miền núi.

Đầu tư đồng bộ về các lĩnh vực gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn được; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn.

Duy trì và phát triển các xã, huyện đạt chuẩn, tiếp tục xây dựng các xã, thôn nông thôn mới kiểu mẫu, chú trọng phát triển thôn, bản nông thôn mới các xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2.1. Mục tiêu cụ thể

- Về cấp huyện:

Phân đầu tối thiểu có thêm 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nâng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, thị xã hoàn thành nông thôn mới lên 4 đơn vị (bao gồm cả thị xã Quảng Trị).

- Về cấp xã:

+ Phân đầu có từ 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Phân đầu có từ 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Phân đầu không còn xã đạt dưới 12 tiêu chí.

- Về cấp thôn, bản:

+ Phân đầu có từ 55-60% số thôn bản khó khăn thuộc xã khó khăn, biên giới thuộc Đề án 1385 đạt chuẩn nông thôn mới và có từ 65-70% số thôn, bản thuộc xã đặc biệt khó khăn miền núi và 80-85% số thôn thuộc xã bãi ngang ven biển đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Phân đầu có từ 15% số thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (trong đó huyện Đakrông 3%, huyện Hướng Hóa 5%, các huyện, thị xã còn lại 25%)

+ Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

II. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025.

Dự kiến vốn huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 là 36.135.360 tỷ đồng, trong đó:

(1) Ngân sách nhà nước 2.265,360 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách TW bố trí trực tiếp 1.355,360 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương 910 tỷ đồng;

- (2) Vốn lồng ghép 2.300 tỷ đồng
- (3) Vốn tín dụng 30.000 tỷ đồng;
- (4) Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác 720 tỷ đồng;

(5) Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư 850 tỷ đồng.

IV. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đề xuất giải pháp quản lý điều hành

- Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đảm bảo mục tiêu đề ra, đề nghị TW sớm ban hành các chủ trương, cơ chế chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 trong nửa cuối năm 2020 để các địa phương kịp thời cụ thể hóa chính sách của TW và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là chương trình tổng thể kinh tế - xã hội, do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành trong tỉnh trong quá trình quản lý, chỉ đạo, điều hành Chương trình. Tuy nhiên, hiện nay ở một số tỉnh, Bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo cấp tỉnh, huyện được thành lập chưa có vị trí tương xứng, cán bộ chuyên trách ít, vì vậy công tác tham mưu, kết nối các sở, ban ngành hiệu quả chưa cao. Vì vậy, cần có quy định lại hệ thống bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp theo hướng chuyên nghiệp, xứng tầm để điều hành có hiệu quả Chương trình.

- Đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới đề ra mục tiêu đến năm 2020 có 50% thôn trong phạm vi Đề án được công nhận hoàn thành tiêu chí nông thôn mới cấp thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. UBND tỉnh Quảng Trị đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 có từ 40-50% số thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên, xét điều kiện các bản thuộc các xã đã được chọn trong đề án hiện đang thiếu nhiều tiêu chí, các tiêu chí đều tập trung vào tiêu chí khó thực hiện như tiêu chí thu nhập, hộ nghèo, môi trường, hình thức tổ chức sản xuất.... Mặc dù đã ưu tiên tập trung công tác tuyên truyền, vận động người dân; công tác đào tạo tập huấn cho cán bộ và tập trung nhiều nguồn lực để hỗ trợ nhưng đến thời điểm vẫn chưa có thôn, bản nào đạt chuẩn nông thôn mới; tiêu chí đạt bình quân thấp hơn 7 tiêu chí. Vì vậy, để thực hiện đảm bảo mục tiêu của Đề án là rất khó khăn

- Hiện nay, các địa phương đang triển khai thực hiện việc sát nhập các xã, việc này đã ảnh hưởng đến quy hoạch, đề án, rà soát tiêu chí, công nhận lại các địa phương xây dựng nông thôn mới. Do đó, đề xuất lợi và thống nhất trong quá trình thực hiện đề nghị Trung ương có hướng dẫn cụ thể và bố trí kinh phí để các địa phương triển khai thực hiện.

2. Đề xuất về huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Theo nguyên tắc phân bổ vốn được quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg, trong đó có quy định đối với xã trên 15 tiêu chí trở lên, hệ số 1,3 là thấp. Vì đa số các xã này đều là các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hằng năm, do đó đề nghị nên quy định hệ số 3 để các địa phương tập trung nguồn lực thực hiện đạt chuẩn.

- Hiện nay, việc thực hiện xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới cần rất nhiều nguồn lực. Tuy nhiên, trong các năm qua, nguồn ngân sách Trung ương

không được phép chi hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn. Do đó, tỉnh Quảng Trị phải bố trí ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng huyện đạt chuẩn. Tuy nhiên, do ngân sách địa phương còn hạn chế, vì vậy nguồn ngân sách hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn không nhiều, các tiêu chí chỉ đạt ở mức tối thiểu. Đề nghị trong giai đoạn tiếp theo Văn phòng điều phối nông thôn mới nên đề xuất Chính phủ bố trí ngân sách Trung ương thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Một số nội dung hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu chưa được quy định chi tiết trong các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính nên rất khó trong quá trình thực hiện. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các nội dung trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Cần tăng thêm nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình xây dựng nông thôn mới đối với một tỉnh khó khăn như Quảng Trị

- Cần có chính sách lồng ghép có hiệu quả các chương trình đầu tư trên địa bàn nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

3. Về tổ chức bộ máy tham mưu giúp việc BCD Chương trình

Hiện nay, bộ máy tham mưu giúp việc BCD nông thôn mới các cấp chưa có sự thống nhất. Số lượng biên chế chuyên trách cấp tỉnh, cấp huyện còn thiếu, đặc biệt là cấp huyện (mỗi huyện chỉ được 1 cán bộ theo dõi nông thôn mới) vì vậy công tác tham mưu chưa kịp thời, hiệu quả. Vì vậy, trong thời gian tới đề nghị cần có quy định thống nhất về Bộ máy giúp việc BCD nông thôn mới các cấp theo hướng nâng tầm của Văn phòng điều phối nông thôn mới để hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

4. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nông thôn mới, triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua “*Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới*” nhằm cổ vũ, động viên, biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới, tạo sự lan toả lớn trong nhân dân, cộng đồng, xã hội; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, doanh nhân, nhất là thanh niên trí thức khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ở nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phản ánh kịp thời thực tiễn xây dựng nông thôn mới của cả nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành khung chính sách của địa phương, kịp thời cụ thể hóa chính sách của Trung ương giai đoạn 2021-2025. Có chính sách hỗ trợ thúc đẩy đối với một số địa phương, lĩnh vực đang còn khó khăn đang cản trở quá trình xây dựng nông thôn mới như xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi khó khăn, công tác bảo vệ môi trường.....Tập trung huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực đầu tư để đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí, chồng chéo các nguồn lực.

- Tập trung chỉ đạo các địa phương đã đạt chuẩn thực hiện tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí. Thường xuyên rà soát, đánh giá các tiêu chí, nhất là những tiêu chí có khả năng biến động như cơ sở hạ tầng giao thông, thu nhập bình quân đầu người, môi trường, cơ sở vật chất giáo dục. Tổ chức kiểm tra rà soát lại các xã đã được công nhận nông thôn mới, nếu xã có nhiều tiêu chí không duy trì được chất lượng thì có biện pháp kiểm điểm trách nhiệm đối với người đứng đầu.

- Ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là

sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh nông thôn nhằm tăng thu nhập cho người dân nông thôn một cách bền vững, trong đó: Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã; đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế... Triển khai có hiệu quả Chương trình OCOP.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật,...), cải tạo cảnh quan môi trường, trong đó tập trung phát triển các mô hình thôn, bản xanh, sạch đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới. Phát động và triển khai mạnh mẽ phong trào “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới” do Ban Thường vụ tỉnh ủy phát động đến tận cơ sở; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo và Bộ máy giúp việc BCD các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, bố trí đủ cán bộ có năng lực, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thành viên kiêm nhiệm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (Báo cáo);
- GD, các PGD Sở;
- VPĐPNTM Tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC

GIÁM ĐỐC



Người ký: Hồ Xuân Hòe
Email: hoxuanhoe@quangtri.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Quảng Trị
Chức vụ: Giám đốc
Thời gian ký: 09.03.2020 15:04:07 +07:00

Hồ Xuân Hòe

Biểu 01: HỆ THỐNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020



Số: 53 /BC-SN ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Loại Văn bản	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách
I	NGHỊ QUYẾT			
1	04/NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy	Về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020	Nhằm đạt mục tiêu đề ra đến năm 2020 có 50-55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn huyện trắng xã đạt chuẩn, không còn xã miền núi dưới 8 tiêu chí, không còn xã đồng bằng dưới 16 tiêu chí	Đưa ra các giải pháp cụ thể trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp nhằm thực hiện đạt mục tiêu đề ra
2	Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh	Xây dựng nông thôn mới đến năm 2020	Nhằm đạt mục tiêu đề ra đến năm 2020 có 50-55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn huyện trắng xã đạt chuẩn, không còn xã miền núi dưới 8 tiêu chí, không còn xã đồng bằng dưới 16 tiêu chí	- Quy định mức bố trí từ ngân sách địa phương cho xây dựng nông thôn mới - Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các nội dung trong xây dựng nông thôn mới
3	Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh	Về hỗ trợ một số cây trồng con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025	Phát huy tiềm năng lợi thế từng vùng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, lao động, nguồn vốn để tổ chức sản xuất cây cao su; cà phê chè; hồ tiêu; cây ăn quả đặc sản và dược liệu; lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; gỗ nguyên liệu; con bò và con tôm, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường, gia tăng thu nhập cho nông dân, doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng nông thôn mới, ổn định	Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho các đối tượng gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, gia trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc hợp tác đầu tư phát triển sản xuất; tiêu thụ sản phẩm; tổ chức sơ chế, chế biến; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng các dịch vụ liên quan

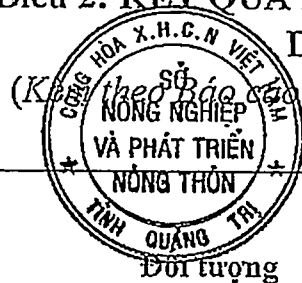
TT	Loại Văn bản	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách
			chính trị - xã hội.	đến 6 cây trồng, 2 con nuôi tạo sản phẩm chủ lực của tỉnh.
4	Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh	Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020.	- Thu nhập bình quân của thành viên, người lao động trong các hợp tác xã tăng gấp đôi so với năm 2015. - Có 85% số xã có hợp tác xã, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt tiêu chuẩn mô hình hợp tác xã kiểu mới. - 100% hợp tác xã hoạt động đúng Luật Hợp tác xã năm 2012; phần đầu đến năm 2020 có khoảng 45 - 55 hợp tác xã và 5 - 7 liên hiệp hợp tác xã thành lập mới, có 1.800 - 2.000 tổ hợp tác được chứng thực. - Nâng số lượng hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ có lãi chiếm trên 90%; tỷ lệ hợp tác xã khá giỏi đạt trên 60%. Có 20 - 25% hợp tác xã điển hình tiên tiến cấp tỉnh. - Đến năm 2020 có 30% cán bộ quản lý chủ chốt hợp tác xã có trình độ đại học, cao đẳng và 50% trung cấp.	Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX gồm chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, chính sách hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX, chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người lao động, chính sách hỗ trợ thành lập mới, chính sách xây dựng HTX điển hình tiên tiến.....
5	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	Về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025		Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng

TT	Loại Văn bản	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách
				đến năm 2030.
II	QUYẾT ĐỊNH			
1	Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh	Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Hỗ trợ một phần lãi suất vốn vay tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho người dân, góp phần xây dựng NTM	Quy định về chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020 nhằm thực hiện Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.
2	Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương	

ĐIỀU 2: KẾT QUẢ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ

DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 53 /BC-SNN ngày 29/3/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



Stt	Đối tượng	ĐVT	2019	2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025
I	Cấp xã				
1	Tổng số xã	xã	117	101	101
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	60	57	76
	Trong đó: Số xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn	xã	60	57	76
3	Số xã theo nhóm tiêu chí	%			
-	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	20	8	15
-	Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	xã	17	10	10
	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	xã	20	15	0
4	Số xã được công nhận đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu	xã	3	8	25
II	Đơn vị cấp huyện				
1	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	huyện	2	2	4
	Trong đó: Đã có quyết định công nhận	huyện	0	2	4
III	Cấp thôn, bản, ấp, khu dân cư				
1	Số thôn, bản ấp đạt chuẩn nông thôn mới				
	Trong đó:				
-	Số nông thôn, bản ấp đã có Quyết định công nhận theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ	%	0	40-50	50-60
-	Số lượng thôn, bản ấp đã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	thôn, bản	0	0	0

Stt	Đối tượng	ĐVT	2019	2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025
2	Số lượng khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh ban hành				
	Trong đó				
-	Số lượng khu dân cư đã có quyết định công nhận đạt chuẩn	thôn, KDC	0	0	0
-	Số lượng khu dân cư đã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	thôn, KDC	16	16	15%
IV	Một số chỉ tiêu cơ bản				
1	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn	trđ/người/năm			
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều	%	10,14		
3	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%			
4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia	%	57,14		

Biểu 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM THEO NỘI DUNG TIÊU CHÍ 2016-2020 VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025



Kiểm tra theo Quyết định số 53 /BC-SNN ngày 03/3/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Tiêu chí	ĐVT	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		
			Tính đến 31/12/2019	Tính đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025
1	Số xã đạt tiêu chí quy hoạch	%	100,0	100,0	100,0
2	Số xã đạt tiêu chí giao thông	%	65,8	78,2	78,2
3	Số xã đạt tiêu chí thủy lợi	%	94,0	99,0	99,0
4	Số xã đạt tiêu chí điện	%	100,0	100,0	100,0
5	Số xã đạt tiêu chí trường học	%	65,0	77,2	77,2
6	Số xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa	%	65,8	78,2	78,2
7	Số xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại	%	85,5	91,1	91,1
8	Số xã đạt tiêu chí thông tin truyền thông	%	78,6	86,1	86,1
9	Số xã đạt tiêu chí nhà ở	%	73,5	86,1	86,1
10	Số xã đạt tiêu chí thu nhập	%	71,8	83,2	83,2
11	Số xã đạt tiêu chí hộ nghèo	%	69,2	83,2	83,2
12	Số xã đạt tiêu chí lao động - việc làm	%	95,7	96,0	96,0
13	Số xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất	%	68,4	78,2	78,2
14	Số xã đạt tiêu chí giáo dục - đào tạo	%	80,3	90,1	90,1
15	Số xã đạt tiêu chí y tế	%	96,6	100,0	100,0
16	Số xã đạt tiêu chí văn hóa	%	98,3	99,0	99,0
17	Số xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm	%	68,4	81,2	81,2
18	Số xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	%	83,8	88,1	88,1
19	Số xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh	%	92,3	98,0	98,0

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ BỔ TRÍ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG CHO CÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH



QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2017/QĐ-TTĐ NGÀY 22/4/2017

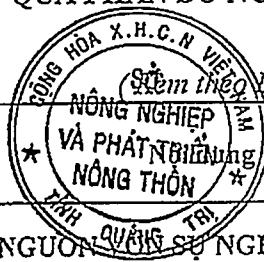
(Kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTĐ ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) /BC-SNN ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng/Nội dung phân bổ	2016			2017			2018			2019			2020			Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025		
		Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn đã phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)	Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn đã phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)	Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn đã phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)	Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn đã phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)	Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn đã phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)	Số xã được phân bổ (Xã)	Tổng vốn dự kiến phân bổ (Triệu đồng)	Định mức phân bổ bình quân/xã (Triệu đồng)
I	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	99	79.300	2.205	117	76.000	1.410	117	101.300	3.283	117	146.800	1.255	117	299.020	2.556	101	1.100.000	
1	Xã đặc biệt khó khăn dưới 5 tiêu chí	0																	
2	Xã đặc biệt khó khăn còn lại	41	57.400	1.400	44	49.632	1.128	41	63.504	1.568	39	62.400	1.600	36	149.760	4.160	35	693.700	
3	Xã từ 15 tiêu chí trở lên	7	3.185	455	11	8.884		9	11.924	1.323	8	31.400		10	41.564	4.156	8	118.920	
4	Xã còn lại không thuộc đối tượng ưu tiên	51	18.715	350	62	17.484	282	67	25.872	392	70	28.000	400	71	67.456	950	58	287.390	
5	Các đề án của Chính phủ											25.000			40.240				
II	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP		19.900			26.900			38.000			49.400			77.600			255.360	

Biểu 5.2

KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



(Xem theo) BC số 53 /BC-SNN ngày 09/3/2020 của Sở NN-PTNT)

TT	Tính đến 31/12/2019	Đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021- 2025
II	134.200	77.600	255.360
1	500		5.000
2	5.600	7.000	
2,1	1.400	4.000	10.000
2,2	4.200	3.000	10.000
3	41.675	29.400	105.000
3,1	10.200	9.000	25.000
3,2	21.530	14.800	50.000
3,3	1.075	185	5.000
3,4	8.870	5.415	25.000
4	24.995	10.200	40.000
	6.432		
	9.568		
5	9.500	5.329	15.000
6	2.600		3.000

TT	Nội dung hỗ trợ	Tính đến 31/12/2019	Đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021- 2025
7	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các làng nghề	14.746	1.260	22.360
7,1	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	8.706	1.000	12.000
7,2	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	6.040	260	10.360
8	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới	14.369	6.470	25.000
8,1	Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới	2.727	920	5.000
8,2	Triển khai công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp	8.952	4.110	15.000
8,3	Truyền thông về xây dựng NTM	2.690	1.440	5.000
9	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	17.725	17.941	40.000
10	Các nội dung khác	2.490		
	Hỗ trợ đối ứng chương trình KOICA	490		
	Hỗ trợ thực hiện 2 chương trình NTM và giảm nghèo bền vững	2.000		

Biểu 5.3

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MÔ TỎNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kế hoạch số 53/BC-SNN ngày 03/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)
ĐVT: Triệu đồng



TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	Tính đến 31/12/2019	Tính đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	38.758.087	8.616.620	36.135.360	
I	NS Trung ương	560.380	376.620	1.355.360	
1	Dầu tư phát triển (bao gồm TPCP)	423.380	299.020	1.100.000	!
2	Sự nghiệp kinh tế	137.000	77.600	255.360	
II	Đổi ứng từ NS Địa phương	520.993	170.000	910.000	
1	Tỉnh	90.000	30.000	200.000	
2	Huyện	339.418	120.000	600.000	
3	Xã	91.575	20.000	110.000	
III	Vốn lồng ghép	1.446.470	200.000	2.300.000	
IV	Tín dụng	35.458.279	7.500.000	30.000.000	
V	Doanh nghiệp, HTX	270.890	200.000	720.000	
VI	Huy động từ Công đồng và người dân	501.075	170.000	850.000	